

CỤC THADS TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 449/TB-THADS

Long Thành, ngày 21 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO

Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số: 2560/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 45/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 09 /QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ biên bản kê biên ngày 17/12/2024 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số: 019/2025/1402971/HCM ngày 07 tháng 05 năm 2025 của Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn.

Căn cứ thông báo số 379/TB-THADS ngày 07/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành về kết quả thẩm định giá và thông báo về việc thỏa thuận lựa chọn tổ chức bán đấu giá,

Căn cứ Thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 415/TB-THADS ngày 15/05/2025 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông

Địa chỉ: 0.65 Khu Phố 3, Phường Tam Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

1-Quyền sử dụng đất diện tích 7320,9 m² thuộc thửa số 47 tờ bản đồ số 26 xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 824487 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/11/2016, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 05/02/2021 cho bà Phan Thị Hồng Hà đứng tên, Đất có tứ cận gồm:

Phía đông giáp thửa số 33 tờ số 27 ;

Phía tây giáp thửa số 46 tờ số 26;

Phía nam giáp thửa số 13 tờ số 31;

Phía bắc giáp đường bê tông

2- Công trình xây dựng :

2.1 Nhà cấp 4 xây dựng năm 2016, diện tích 72,5 m², có kết cấu :

+ Móng gạch, cốt sắt tròn phi 90, cao 3m; Xà gồ vì kèo khung sắt hộp; Mái lợp tôn, trần tôn lạnh; Tường xây gạch tô, trát sơn nước; Nền lát gạch men; Cửa chính, cửa sổ khung sắt kính; Nhà vệ sinh, tường ốp gạch Ceramic, labo xi bệt, cửa nhôm tôn;

2.2 Cổng + Tường rào phía trước:

- Kích thước: Dài 44,24 m

Kết cấu:

+ Cổng 1: 1 trụ cổng, bê tông cốt thép, tô trát, có kích thước (50cm x 50 cm x 280 cm), cánh cổng khung sắt hộp + lưới sắt có chiều ngang 3,4 m cao 2,6m.

+ Cổng 2: 2 trụ cổng bê tông cốt thép, tô trát có kích thước (55cm x 55 cm x 300 cm); Cánh cổng khung sắt hộp, ngang 6 m cao 2,8 m.

+ Tường rào: xây tạp lô bê tông dày 200 mm, cao 2,5m.

2.3 Chuồng gà:

- Diện tích 119,4m²; Kết cấu: Móng cột gạch; tường xây gạch cao khoảng 1,8m; phần tường phía sau nhờ hàng rào; nền bê tông xi măng; Mái lợp tôn, trần miếng trống nắng, xà gỗ vì kèo khung sắt phi 16 và khung sắt V; Một phần chuồng gà phía sau khung sắt V, mái tôn khung tường lưới B40, cao 1,7m.

2.4 Chuồng heo:

- Diện tích 40,5 m²; Kết cấu: Tường xây gạch cao 0,9 m, Phía trên khung sắt V; Mái tôn xà gỗ sắt V; Nền xi măng; Một phần tường phía sau thuộc hàng rào,

2.5 Mái che phía sau, kết cấu: Cột sắt tròn phi 60 cao 3,5 m (8 cột); xà gỗ khung sắt hộp; mái lợp tôn nền đất.

3 -Cây trồng trên đất gồm có:

- Măng cụt: 26 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 12 cm, cao 2,5 m, cây không được chăm sóc, cây cần cỗi;

- Sầu riêng: 10 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 25 cm, cao 5 m -6m, cây không được chăm sóc, cây cần cỗi;

- Vú sữa: 02 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 12 -13cm, cao 4m -6m, cây không được chăm sóc, cây cần cỗi;

- Xoài: 06 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 12 -13 cm, cao 4 m, cây không được chăm sóc, cây cần cỗi;

- Dừa: 14 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 20cm -25cm, cao 5 m, cây không được chăm sóc, cây cần cỗi;

- Mít: 07 cây, khoảng 13 năm tuổi, Vành 55cm-60cm, cao 7m-8m, cây đang phát triển bình thường;

Tổng giá trị (làm tròn) của tài sản có giá khởi điểm: 23.970.357.000 đồng
(Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ chín trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng)

Vậy, thông báo để các cá nhân, tổ chức biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**
Nguyễn Duy Hoạt

PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 21 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

- Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích: 7320,9 m² thửa số 47 tờ bản đồ số 26 xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Giá khởi điểm: 23.970.357.000 đồng
- Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông. Tổng số điểm: 92 điểm
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có):
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	5
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2	2
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp		
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1	1
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57	54
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15	15
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	12	
		13	

1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7	7
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3	3
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.		
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:		
	Số điểm của B = (U x 3)/Y		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7	5
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4	4
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
6.1	01 đấu giá viên	2	

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	3
7.1	Dưới 05 năm	2	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8	3
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	3	3

	- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)		
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3	3
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4	4
4	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3	3
Tổng số điểm		100	92

